

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY - CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01 /2018/NQ-HĐĐCĐ ngày 24/4/2018)

Chương 1**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh**

1. Quản trị Công ty là tập hợp những cơ chế, quy định mà thông qua đó Công ty được điều hành và kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất của cổ đông và quyền lợi của những người liên quan đến Công ty.

2. Quản trị công ty tạo lập một khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và những người liên quan khác của Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty đặt ra các quy trình, thủ tục ban hành các quyết định điều hành trong Công ty, nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả làm việc của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các người điều hành của công ty và đảm bảo tính minh bạch đối với các hoạt động của Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

Trong quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "**Quản trị công ty**" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng phát triển và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.

2. "**Công ty**" có nghĩa là Công ty cổ phần Sông Đà 5, trụ sở chính tại tầng 5, tháp B tòa nhà HH4, khu đô thị Sông Đà- Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

3. "**Đại hội đồng cổ đông - ĐHĐCĐ**" là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

4. "**Hội đồng quản trị - HĐQT**" là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

5. "**Ban kiểm soát - BKS**" là cơ quan chịu trách nhiệm giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty.

6. "**Người điều hành**" là những người được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bao gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.

7. "**Cổ đông**" có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu Cổ phần.

8. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán và trong Điều 4 Khoản 17 của Luật doanh nghiệp.

9. "**Thành viên HĐQT không điều hành**" là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật;
2. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
5. Minh bạch trong hoạt động của công ty;
6. HĐQT và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả;
7. Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.

Chương 2

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Quyền của cổ đông

1.1 Quyền của cổ đông phổ thông:

a. Quyền được đối xử bình đẳng giữa các cổ đông: Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được ĐHĐCĐ thông qua.

b. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

c. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo qui định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

e. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

f. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

h. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

i. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo qui định của pháp luật;

j. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp qui định của Luật Doanh nghiệp;

k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

1.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên HĐQT hoặc BKS theo quy định tương ứng tại khoản 2 điều 25 và khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty;

b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại điều 114 và điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nghĩa vụ của cổ đông

2.1 Tuân thủ Điều lệ và các qui chế, qui định nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2.2 Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2.3 Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo qui định.

2.4 Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

2.5 Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.6 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 5. Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày trở thành cổ đông lớn của Công ty thì Cổ đông lớn phải báo cáo Công ty, UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu được niêm yết.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.

Điều 6. Điều lệ Công ty

Điều lệ Công ty được xây dựng không trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan, theo Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 7. Họp ĐHCĐ thường niên và bất thường

Trình tự, thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, bao gồm:

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội

1.1 Các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường được thực hiện theo đúng các quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các trường hợp quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty, cụ thể:

a. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn tối đa 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, lựa chọn địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.

c. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;
- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

d. Thời hạn để Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông là trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như đã nói trên hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 tháng trở lên hoặc yêu cầu Ban Kiểm soát.

- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

- Trường hợp Ban kiểm soát cũng không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ

đồng nắm giữ từ 05% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng trở lên có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

1.2 Nghĩa vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a. Xác định chương trình họp và chuẩn bị các tài liệu có liên quan theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;

c. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước ngày tiến hành Đại hội đồng cổ đông. Trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải báo cáo với Sở giao dịch chứng khoán để chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông là không hạn chế, cổ đông có thể thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi có yêu cầu. Công ty hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông.

d. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ địa điểm, chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến trung tâm lưu ký chứng khoán, công bố thông tin trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán;

g. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua

đường bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông hoặc tới địa chỉ do cổ đông cung cấp để phục vụ cho việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể gửi đến số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày thông báo được gửi đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ trang thông tin điện tử để các cổ đông tiếp cận.

1.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% số cổ phần trong thời hạn liên tục 06 (sáu) tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người/nhóm đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất nêu trên trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đúng, đủ nội dung;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 05% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
- d. Các trường hợp khác.

2. Cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông

2.1 Xác nhận tham dự: Cổ đông không phân biệt số lượng cổ phần sở hữu có quyền tham dự tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường, tuy nhiên để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thuận lợi tránh lãng phí, cổ đông sẽ được yêu cầu xác nhận trước việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn một trong các hình thức như: điện thoại, gửi email, fax, thư xác nhận theo mẫu hoặc trực tiếp với Ban tổ chức đại hội ít nhất ba (03) ngày trước ngày tổ chức Đại hội cổ đông.

2.2 Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2.3 Ủy quyền: Cổ đông không tham dự trực tiếp Đại hội đồng cổ đông thì có thể ủy quyền cho người đại diện của mình tham dự theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Trường hợp có nhiều hơn một đại diện theo ủy quyền được cử thì cổ đông ủy quyền phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ 3.

3. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty, cụ thể:

3.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có tổng số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết;

3.2 Trường hợp không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết;

3.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn;

3.4 Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

4. Biểu quyết và bỏ phiếu

4.1 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được thể hiện rõ tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

4.2 Cách thức biểu quyết và bỏ phiếu:

a. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông có quyền dự họp đăng ký hết. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của

các nội dung đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

b. Khi đăng ký, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được cấp một Phiếu biểu quyết có đóng dấu treo của Công ty, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, hoặc họ và tên của đại diện được ủy quyền (nếu có), số phiếu biểu quyết của cổ đông, và các nội dung biểu quyết tại Đại hội cổ đông....

- Khi biểu quyết, cổ đông có quyền đồng ý, không đồng ý, hoặc bỏ phiếu trắng. Phiếu biểu quyết được thu và kiểm phiếu ngay tại Đại hội;

- Tổng số phiếu đồng ý, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng của từng nội dung sẽ được thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

c. Đối với trường hợp bầu cử, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết sẽ được cấp phiếu bầu cử có đóng dấu treo của Công ty, trên đó có ghi sẵn danh sách các ứng cử viên. Thẻ thức bầu cử cụ thể sẽ được ban tổ chức Đại hội trình bày để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết trước khi thực hiện.

4.3 Cách thức biểu quyết:

a. Đại hội sẽ biểu quyết lựa chọn tổ kiểm phiếu gồm những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.

b. Tổng số thành viên của tổ kiểm phiếu không quá 05 người.

4.4 Công bố kết quả kiểm phiếu:

a. Tổ kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu, trong đó phải nêu rõ số phiếu và tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý, không đồng ý hoặc không có ý kiến (bỏ phiếu trắng) đối với từng nội dung. Biên bản kiểm phiếu phải có đủ chữ ký của các thành viên;

b. Tổ kiểm phiếu công bố Biên bản kiểm phiếu trước Đại hội đồng cổ đông;

c. Trường hợp tất cả các cổ đông đại diện cho 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua đều được coi là hợp lệ cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

5. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

5.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ;

5.2 Trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể công khai phát biểu không đồng ý và sử dụng phiếu để biểu quyết không đồng ý hoặc có thể không tham

gia biểu quyết. Tuy nhiên sau khi Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết, cổ đông phải tuân thủ kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông;

5.3 Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có thể yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày theo trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Ghi chép và thông qua biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

6.1 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký đại hội. Thư ký đại hội ghi chép cụ thể các nội dung, sự việc diễn ra theo tiến trình đại hội và lập biên bản họp Đại hội;

6.2 Biên bản Đại hội đồng cổ đông được lập bằng Tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và thư ký, trong đó nêu rõ tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến đối với từng nội dung. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Điều lệ Công ty;

6.3 Trước khi bế mạc Đại hội, thư ký sẽ đọc Biên bản trước đại hội và cổ đông có quyền đề nghị Chủ tọa yêu cầu thư ký điều chỉnh lại nội dung Biên bản cho phù hợp. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được đại hội biểu quyết thông qua.

6.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi biên bản.

6.5 Căn cứ biên bản Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty sẽ soạn thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, gồm những nội dung chính đã được Đại hội biểu

quyết thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông sẽ được Hội đồng quản trị Công ty công bố thông tin theo quy định.

7. Các vấn đề liên quan tới Đại hội đồng cổ đông

7.1 Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 05 ngày trước ngày chốt danh sách. Công ty không được hạn chế số cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

7.2 Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông;

7.3 Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

7.4 Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp.

7.5 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định và thực hiện theo Điều 22 của Điều lệ Công ty.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ

Hàng năm, HĐQT phải lập báo cáo trình ĐHĐCĐ. Báo cáo thường niên của HĐQT phải có các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
2. Hoạt động của Hội đồng quản trị;
3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc;
5. Kết quả giám sát đối với các người điều hành;
6. Các kế hoạch dự kiến trong năm tới.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ

Hàng năm, BKS phải lập báo cáo trình ĐHĐCĐ. Báo cáo thường niên của BKS phải có các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
4. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban giám đốc, và các người điều hành;
5. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, và cổ đông.

Ngoài ra, báo cáo của HĐQT cần phải đề cập đến các kế hoạch kinh doanh dự kiến trong tương lai và báo cáo của BKS phải nêu rõ phần đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.

Chương 3

THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Thành viên HĐQT và thủ tục đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên HĐQT

1. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên HĐQT

1.1 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

1.2 Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

1.3 Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo qui định tại Khoản 3 Điều 11 của qui chế này.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

2.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấp quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

2.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty, có hiểu biết pháp luật và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

2.3 Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty; không được là người có liên quan của người điều hành, người có thẩm quyền bổ nhiệm người điều hành công ty mẹ.

2.4 Thành viên Hội đồng quản trị công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty khác.

2.5 Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2.6. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc điều hành.

2.7 Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không đủ năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong sáu (06) tháng trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

3.1 Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

3.2 Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận

3.3 Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện mua, bán cổ phần của Công ty phải báo cáo với UBCKNN, Sở giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

3.4 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc hủy giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người có liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

Điều 11. Hội đồng quản trị

1. Thành phần HĐQT

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

2.1 HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty, thực hiện chức năng định hướng chiến lược, giám sát thực hiện chiến lược phát triển của Công ty.

2.2 HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đối xử bình đẳng với mọi cổ đông và quan tâm đến lợi ích của những người có quyền lợi liên quan.

2.3 HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT và trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT, gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT;

b. Trình tự thủ tục tổ chức họp HĐQT;

2.4 HĐQT xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành cao cấp và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

a. HĐQT có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban Tổng giám đốc và các người điều hành.

b. Quyền hạn và nhiệm vụ cụ thể của HĐQT được quy định cụ thể tại Khoản 2 Điều 27 của Điều lệ Công ty.

3. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT

3.1 Thông tin liên quan tới các ứng viên HĐQT (trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày triệu tập Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan tới các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu gồm:

- a. Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Tên các Công ty mà ứng viên đã nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- g. Các thông tin khác (nếu có).

Các ứng viên HĐQT có cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu là thành viên HĐQT.

3.2 Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm; thành viên HĐQT có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.

b. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng hoặc có quyền gộp số biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến

dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

c. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3.3 Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên HĐQT:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó không có năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 06 tháng trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị cách chức, miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

3.4 Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Thù lao của HĐQT

4.1 Thành viên HĐQT được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm. Thù lao cho HĐQT được liệt kê đầy đủ trong Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.

4.2 Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của HĐQT.

4.3 Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Điều 12. Hợp HĐQT và biên bản họp HĐQT

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, phải có chữ ký của thư ký và chủ tọa phiên họp. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Biên bản họp phải được lưu giữ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

a. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan, và các phiếu biểu quyết cho những thành viên HĐQT không thể dự họp);

b. Điều kiện hiệu lực của cuộc họp HĐQT;

c. Cách thức biểu quyết;

d. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT;

e. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị;

f. Thông qua biên bản họp HĐQT;

g. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 13. Các cuộc họp thường kỳ

HĐQT họp thường kỳ tối thiểu mỗi quý 01 lần. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.

Điều 14. Các cuộc họp bất thường

1. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp HĐQT bất thường vào bất cứ khi nào thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập HĐQT trong vòng bảy (07) ngày, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Ban kiểm soát.
 - b. Do Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác yêu cầu;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Có ít nhất 02 thành viên HĐQT yêu cầu.
3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận yêu cầu họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình tổ chức họp HĐQT;
4. Trường hợp có yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 15. Địa điểm họp

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành ở địa chỉ đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.

Điều 16. Thông báo chương trình họp

1. Thông báo họp Hội đồng phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và phải được thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp;
2. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo mời họp có thể được gửi thông qua đường bưu điện, bằng fax, thư điện tử...nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT đã đăng ký.

Điều 17. Số thành viên tham dự tối thiểu

Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất $\frac{3}{4}$ số thành viên HĐQT dự họp (hoặc thông qua người ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại nếu có hơn $\frac{1}{2}$ số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 18. Thông qua Nghị quyết HĐQT

1. Biểu quyết tại cuộc họp

- a. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền họp lệ tham dự họp sẽ có một phiếu biểu quyết ngoại trừ trường hợp theo quy định tại điểm b, khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty.

b. HĐQT thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (51%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì lá phiếu của Chủ tịch HĐQT sẽ là lá phiếu quyết định.

2. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo thủ tục sau:

a. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT.

b. Các thành viên HĐQT biểu quyết các vấn đề theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong thông báo lấy ý kiến.

c. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của ít nhất một thành viên BKS và Chủ tịch HĐQT sẽ thông báo và gửi kết quả kiểm phiếu cho các thành viên HĐQT.

d. Các Nghị quyết được thông qua khi có đa số thành viên HĐQT (trên 50%) gửi ý kiến nhất trí bằng văn bản. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì ý kiến của Chủ tịch HĐQT sẽ là ý kiến quyết định.

e. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một Nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

3. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức họp và lấy ý kiến gián tiếp

Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các thành viên tham dự đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện qua điện thoại, trực tuyến hoặc kết hợp giữa các phương tiện. Thành viên tham dự cuộc họp được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập hợp lại hoặc là nơi chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua tại các cuộc họp này sẽ có hiệu lực ngay sau khi kết

thức với điều kiện cuộc họp được tổ chức một cách hợp lệ và có chữ ký của tất cả các thành viên tham dự họp (hoặc người được ủy quyền).

Điều 19. Thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm và bãi nhiệm người điều hành

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp pháp một Tổng giám đốc, một hoặc một số Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các người điều hành khác của Công ty theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

2. HĐQT sẽ quyết định mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. Hợp đồng với các người điều hành cấp cao khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

3. HĐQT có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ 2/3 thành viên HĐQT trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối quyết định bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

4. Trình tự lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành cấp cao:

- a. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người điều hành cấp cao;
- b. Việc bổ nhiệm người điều hành cấp cao;
- c. Ký hợp đồng lao động với người điều hành cấp cao;
- d. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành cấp cao;
- e. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành cấp cao.

Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm Thư ký Công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI
ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

Điều 23. Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác không phải thành viên HĐQT làm Tổng giám đốc điều hành Công ty.

2. Hội đồng quản trị sẽ trực tiếp quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chấm dứt Hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành, quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc điều hành.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với nhiệm kỳ không hạn chế;

4. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc điều hành được quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ Công ty.

5. Tổng giám đốc điều hành phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc theo tiêu chuẩn, điều kiện khác theo các quy định tại Điều lệ Công ty;

c. Không phải là chủ Doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của Công ty hợp danh, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản;

d. Không được là người có liên quan của người điều hành, người có thẩm quyền bổ nhiệm của người điều hành Công ty.

e. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội

đồng cổ đông tiếp theo gần nhất. Ngoài ra Tổng giám đốc điều hành bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại quy chế này và Điều lệ Công ty;
- b. Có đơn xin từ chức;
- c. Các trường hợp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 24. Người điều hành doanh nghiệp

Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty tuyển dụng người điều hành cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý của Công ty theo từng thời điểm:

1. HĐQT có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm đối với các người điều hành của Công ty;
2. Tổng giám đốc điều hành có quyền quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với các chức danh khác (ngoại trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT).
3. Người điều hành phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của từng vị trí bổ nhiệm, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, hiểu biết pháp luật, có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tế và có tinh thần trách nhiệm cao, có sự khẩn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra. Các điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể đối với người điều hành do HĐQT quyết định phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của từng Công ty trong từng thời kỳ.
4. Người điều hành của Công ty phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đảm nhiệm chức vụ (trừ trường hợp người điều hành là Trưởng văn phòng đại diện Công ty tại nước ngoài hoặc được Công ty cử đi làm nhiệm vụ tại nước ngoài).

Chương 5

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Thành viên BKS và thủ tục đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên BKS

1. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

- 1.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

1.2 Không phải vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành khác.

1.3 Không làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của Công ty.

1.4 Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Thành viên BKS sẽ không còn tư cách thành viên BKS trong các trường hợp qui định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 37 của Điều lệ Công ty.

2. Thành phần Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là (03) người. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.

3. Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên BKS

3.1 Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 50% được đề cử hai thành viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số thành viên.

3.2 Việc bầu thành viên BKS phải được thực hiện tương tự theo qui định tại Khoản 3 Điều 11 của qui chế này.

3.3 Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

4. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

4.1 Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

4.2 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

4.3 Giám sát tình hình tài chính của công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

4.4 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám

(48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

4.5 Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp;

4.6 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4.7 Ban kiểm soát họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên BKS. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty, nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS đối với các nghị quyết của Ban kiểm soát.

4.8 Trong các cuộc họp của BKS, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà BKS quan tâm.

4.9 Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, các thành viên Ban Tổng giám đốc và các người điều hành.

Điều 26. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên BKS được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của BKS. Việc tính tổng mức thù lao cho các thành viên BKS phải rõ ràng, minh bạch và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên BKS cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của BKS hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 27. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của BKS

1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục tiêu liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

2. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các người điều hành phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS.

3. Thành viên BKS có tính độc lập trong hoạt động và quá trình thực thi các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ – BAN KIỂM SOÁT – BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 28. Thủ tục phối hợp giữa HĐQT, BKS và Ban TGD

1. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể mời Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc tới dự. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp của HĐQT phải được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT. Các Nghị quyết của HĐQT được gửi đến Ban Tổng giám đốc và đồng thời gửi đến BKS.

2. Tại các phiên họp có nội dung quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên HĐQT và thành viên Ban tổng giám đốc tham gia cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thư mời họp phải có các nội dung cần thiết và phải được gửi tới người được mời ít nhất 05 ngày trước khi diễn ra cuộc họp. Trưởng Ban kiểm soát sẽ phải gửi Biên bản hoặc Nghị quyết cuộc họp cho HĐQT và Tổng giám đốc điều hành trong thời gian 05 ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

3. Tại các phiên họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc điều hành có thể mời một số thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát tham dự để thảo luận về những vấn đề liên quan. Thư mời họp phải có đầy đủ các nội dung cần thiết và phải được chuyển tới người được mời ít nhất 05 ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Tổng giám đốc điều hành sẽ gửi biên bản cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng ban kiểm soát trong thời gian 05 ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 29. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng giám đốc

1. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban tổng giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi trong công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế làm việc và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm đã được thông qua.

2. Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại, email) cho chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc cả ba người để giải quyết hiệu quả;

3. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý, lao động tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

4. Chủ tịch HĐQT quyết định mọi trường hợp cán bộ đảm nhiệm các vị trí quản lý, người lao động tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát thực tế của nước ngoài trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc điều hành.

Chương 7

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của thành viên HĐQT, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát

1. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và người điều hành có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT những hợp đồng giữa Công ty với một hoặc nhiều Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và hoặc với những người có liên quan của những thành viên đó hoặc các pháp nhân mà các thành viên đó có quan hệ góp vốn, cổ phần hoặc những người có liên quan của họ góp vốn hoặc sở hữu cổ phần trên 10% vốn điều lệ. Những hợp này chỉ được thực hiện nếu các được các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan chấp thuận.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích

của thành viên HĐQT trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

5. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

6. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các người điều hành hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc các công ty con của Công ty vào thời điểm họ có được các thông tin chắc chắn sẽ gây ra ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết các thông tin này.

Điều 31. Giao dịch với bên có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty nghiêm yết phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết bổ sung, sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên HĐQT, người điều hành hoặc những người có liên quan đến họ là thành viên hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT đó hoặc người điều hành đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với Hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng trong hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành hoặc thành viên HĐQT đã được báo cáo HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan, hoặc;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, các yếu tố quan trọng cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành và thành viên HĐQT đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Điều 32. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty cam kết tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, khách hàng, đối tác, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty luôn tôn trọng và hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định.

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát.

c. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi hoàn bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động

trung thực, cần trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 33. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên HĐQT và BKS, Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc Công ty cần tham gia các khoá đào tạo cơ bản về quản trị công ty do các cơ sở đào tạo được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận.

Chương 8

**QUY ĐỊNH ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM VỀ KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT
CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU
HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Điều 34. Phương thức và tiêu chí đánh giá hoạt động

Việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ đảm nhiệm vị trí quản lý của Công ty có thể được tiến hành theo một trong các phương thức sau:

1. Tự nhận xét đánh giá;
2. Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
3. Cách thức khác do HĐQT lựa chọn tùy vào từng thời điểm.

Điều 35. Khen thưởng, kỷ luật

Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành.

Điều 36. Đối với thành viên HĐQT

1. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ 06 tháng và hàng năm dựa theo các chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của HĐQT.

2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, HĐQT có quyền xem xét thi đua theo quy định của pháp luật và các quy định về khen thưởng của Công ty.

3. Kỷ luật: HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp đã được quy định trong Điều lệ Công ty.

Điều 37. Đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Đánh giá hoạt động: Ban kiểm soát sẽ kiểm điểm, đánh giá kết quả hoạt động của thành viên theo định kỳ 06 tháng và hàng năm dựa theo chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;

2. Khen thưởng: Tùy theo thành tích cá nhân, Trưởng ban kiểm soát đề nghị HĐQT thẩm định và xem xét khen thưởng theo quy định của pháp luật và các quy định về thi đua, khen thưởng, kỷ luật của Công ty.

3. Kỷ luật: HĐQT chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền và nhiệm vụ của HĐQT. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị kỷ luật, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 38. Tổng giám đốc điều hành

1. Đánh giá hoạt động: HĐQT sẽ đánh giá năng lực, phẩm chất, kết quả, hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc điều hành theo định kỳ 06 tháng và hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, có tham khảo ý kiến của Trưởng ban kiểm soát;

2. Khen thưởng: HĐQT sẽ xem xét việc thi đua theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Công ty.

3. Kỷ luật: Tổng giám đốc điều hành chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc điều hành có thể bị kỷ luật, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty.

Điều 39. Đối với người điều hành khác

1. Đánh giá hoạt động: Việc đánh giá khả năng làm việc của người điều hành đảm nhiệm các vị trí khác được thực hiện đều đặn hàng tháng, hàng năm theo các nội dung đã thỏa thuận với Người sử dụng lao động và các quy định nội bộ của Công ty;

2. Khen thưởng: HĐQT sẽ quyết định hình thức khen thưởng với từng vị trí người điều hành theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.

3. Kỷ luật: người điều hành có thể bị kỷ luật, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định của pháp luật về lao động, quy định nội bộ của Công ty.

Chương 9

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 40. Công bố thông tin thường xuyên

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng phù hợp với yêu cầu công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và của Pháp luật.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 41. Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương 10

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 42. Báo cáo

Định kỳ hàng năm, Công ty phải có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị Công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Giám sát

1. Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của Pháp luật.

2. Tổng giám đốc phổ biến và giám sát thực hiện nội quy của Công ty cũng như các quy định nội bộ đến từng nhân viên.

Điều 44. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định sẽ phải chịu trách nhiệm và bị xử lý phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;

2. Các trường hợp vi phạm khác, căn cứ theo nội quy lao động và các quy định nội bộ về chế độ khen thưởng và xử phạt của Công ty để xử lý. Việc xử lý vi phạm phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ công ty và các quy định nội bộ khác.

Chương 11

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 5 thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018.

2. Cổ đông Công ty, thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát, Ban tổng giám đốc, các phòng/ban chức năng và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện quy chế này.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trần Anh Đức